

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 68/2025/DS-ST
Ngày 06 tháng 3 năm 2025
“V/v Tranh chấp hợp đồng góp
hụi”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Kiên.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - + Ông Phạm Ngọc Nguyên;
 - + Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Đạt, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1138/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2025/QĐST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Ngọc Minh T, sinh năm 1992; cư trú: Số A đường T, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt;

- *Bị đơn:*

+ Bà Võ Thị Hồng P, sinh năm 1992; hộ khẩu thường trú: Số A đường L, khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang; nơi ở hiện nay: Số C, Tổ I, khóm T, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt;

+ Ông Cao Việt H, sinh năm 1993; Hộ khẩu thường trú: Khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang; nơi ở hiện nay: Số C, Tổ I, khóm T, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị Hồng P, ông Cao Việt H là: Ông Phạm Thái B, luật sư Văn phòng L, thuộc Đoàn luật sư

tỉnh A; có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1992; Cư trú: C, khóm M, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; có mặt;

+ Bà Lương Thị Tuyết N; Cư trú: Nhà đối diện trường Trung học cơ sở N2, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Ngọc Minh T trình bày và xác định bà P còn nợ tiền hội cụ thể:

- Nợ của những dây hội đã kết thúc trước tháng 11 năm 2023 là 184.000.000 đồng theo Biên nhận và cam kết trả nợ ngày 31 tháng 7 năm 2024. Còn nợ lại khoản này là 136.420.000 đồng.

- Nợ tiền hội chưa đóng của D hội 5.000.000 đồng/nửa tháng, gồm 24 phần, khai ngày 01 tháng 9 năm 2024 mãn ngày 15 tháng 8 năm 2025. Còn nợ lại là 103.473.000 đồng.

- Nợ tiền hội chưa đóng của D hội 5.000.000 đồng/tháng gồm 15 phần, khai ngày 20 tháng 11 năm 2023, mãn ngày 20 tháng 01 năm 2025. Còn nợ lại 50.000.000 đồng.

Đối với việc bà N tham gia chơi hội là do bà P tham gia giúp, nhận hội giúp, bà hoàn toàn không biết bà N là ai. Vì vậy bà xác định yêu cầu bà P trả nợ đầy đủ cho bà tổng cộng là 289.893.000 đồng.

Bị đơn bà Võ Thị Hồng P, ông Cao Việt H trong quá trình giải quyết vụ án, trình bày như sau: .

Tôi thống nhất các khoản nợ này không liên quan đến bà N, việc tôi chơi hội giúp bà N tôi tự chịu trách nhiệm. Tôi không yêu cầu bà N trả 24.800.000 đồng tiếp tôi nữa.

Tôi xác định số tiền tôi còn nợ bà T như sau:

- Nợ của những dây hội đã kết thúc trước tháng 11 năm 2023 là 184.000.000 đồng theo Biên nhận và cam kết trả nợ ngày 31 tháng 7 năm 2024. Còn nợ lại khoản này là 136.420.000 đồng.

- Nợ tiền hội chưa đóng của D hội 5.000.000 đồng/nửa tháng, gồm 24 phần, khai ngày 01 tháng 9 năm 2024 mãn ngày 15 tháng 8 năm 2025. Còn nợ lại là 103.473.000 đồng.

- Nợ tiền hội chưa đóng của D hội 5.000.000 đồng/tháng gồm 15 phần, khai ngày 20 tháng 11 năm 2023, mãn ngày 20 tháng 01 năm 2025. Còn nợ lại 50.000.000 đồng.

Tổng cộng là: 289.893.000 đồng.

Ông Cao Việt H trình bày: ông H hoàn toàn không biết gì về việc bà P chơi hụi, nợ tiền bà T. Số tiền hụi hốt được bà P sử dụng vào việc gì ông không biết, chứ không có sử dụng vào mục đích chung cho gia đình. Vì vậy, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về tài sản đang bị phong tỏa, đây là tài sản do mẹ ông mua cho ông, hoàn toàn bằng tiền của gia đình ông, nhưng vì là vợ chồng nên ông để bà P đứng tên chung, trước đây ông ở hai nơi là B, L và T, nhưng hiện nay ông ở hẳn T, còn nhà ở B để trống.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

- Ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông xác nhận có nhận số tiền 47.580.000 đồng của bà P chuyển khoản trả nợ cho bà T.

- Bà Lương Thị Tuyết N vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Bà Phan Ngọc Minh T đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, vẫn giữ yêu cầu buộc bà P, ông H liên đới trả tiền nợ hụi; không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác tại phiên tòa.

- Bị đơn bà P tại phiên tòa, công nhận số tiền còn nợ hụi của bà T là còn nợ là 289.893.000 đồng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác tại phiên tòa.

- Ông M tại phiên tòa giữ nguyên ý kiến như trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày tại phần tranh luận: Việc Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, việc bà P tại phiên tòa thừa nhận còn nợ số tiền hụi chưa thanh toán 289.893.000 đồng là phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn. Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc ông H phải có trách nhiệm liên đới là không có cơ sở, do ông H không biết việc bà P chơi hụi, ông H cũng không ký biên nhận nợ hụi, đây là nợ riêng của bà P. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, không chấp nhận buộc ông H phải liên đới thanh toán, đối với việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là tài sản chung của vợ chồng ông H, nên đề nghị không tiếp tục áp dụng.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bà N chưa thực hiện đầy đủ theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Ngọc Minh T đối với số tiền 59.107.000 đồng;

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Ngọc Minh T. Buộc bà Võ Thị Hồng P có trách nhiệm trả cho bà Phan Ngọc Minh T số tiền 289.893.000 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Ngọc Minh T về yêu cầu ông Cao Việt H liên đới trách nhiệm cùng bà Võ Thị Hồng P trả số tiền hui 289.893.000 đồng.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 10/2024/QĐ-BPKCTT ngày 31/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 126, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự, Điều 16, 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:* bà Phan Ngọc Minh T khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ, quá trình giao dịch hui các bên thừa nhận có giao dịch tại địa bàn thành phố L, tranh chấp phát sinh từ là dạng hợp đồng dân sự về hui, họ, điều, phường, có xác lập sổ hui. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất quan hệ tranh chấp để giải quyết vụ án là “tranh chấp về hợp đồng góp hui” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Ông H, bà N vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật, nên việc vắng mặt của ông H, bà N không ảnh hưởng tới giải quyết vụ án, hơn nữa đối với yêu cầu của bà P về việc xác định đại diện cho bà N tham gia chơi hui của bà T, nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà P xác định số tiền 24.800.000 đồng mà bà yêu cầu bà N phải trả cho bà xác định không yêu cầu bà N phải thực hiện nghĩa vụ. Do đó, căn cứ các Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt ông H, bà N;

việc bà P không yêu cầu bà N phải có nghĩa vụ thanh toán không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của bà N trong vụ án này.

[1.3] *Về xác định tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:* Các tài liệu, chứng cứ là các sổ hội do nguyên đơn cung cấp, bị đơn bà P xác định là có việc nguyên đơn là chủ hội, thống nhất tài liệu Thẩm phán đã công bố trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa thống nhất các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, cũng như thống nhất về số lần góp hội, số tiền còn nợ hội, nên sự thống nhất này của các đương sự là sự kiện không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về xác lập hợp đồng góp hội:* Hội đồng xét xử, xét thấy: căn cứ lời trình bày của các đương sự, cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định có việc bà P là người trực tiếp tham gia góp hội, theo đó đó bà P là hội viên, tham gia các dây hội do bà T làm chủ hội theo đúng quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự, quy định: Họ, hội, biểu, phường là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên, khi thực hiện góp hội, giữa các đương sự có lập sổ hội, có biên nhận về số tiền hội do bà P còn nợ, các bên thống nhất về số tiền hội mà bà P phải có nghĩa vụ trả. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất, việc bà T là chủ hội, xác định bà P là người trực tiếp châu hội, khai hội, xác định số tiền còn nợ hội phù hợp với đơn khởi kiện của nguyên đơn, phù hợp với sự thừa nhận của bà P về số tiền nợ hội, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nên có căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu bà P phải có nghĩa vụ thanh toán là có căn cứ.

[2.2] *Về xác định nghĩa vụ liên đới:* Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, bà T xác định việc bà P tham gia góp hội, trực tiếp châu hội, hốt hội, bà P thừa nhận còn nợ hội, số tiền hội do bà P châu, khai hội là tiền của riêng bà P, không liên quan đến ông H, ông H cũng không thừa nhận việc biết bà P chơi hội, số tiền hội do bà P hốt được không sử dụng chung vào mục đích gia đình, bà T không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc ông H đã nhận hội. Do vậy, việc bà T yêu cầu bà P, ông H phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả nợ trong khi không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh, ông H không thừa nhận việc số tiền hội do bà P châu, hốt hội sử dụng vào mục đích chung, thiết yếu của gia đình, bà P cũng thừa nhận việc này, nên theo quy định tại Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình và thực hiện nghĩa vụ của hội viên, người tham gia hội theo quy định tại Nghị định số 19/20219/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T buộc bà P, ông H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán tiền hội, chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà P phải có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền là 289.893.000 đồng, bà T không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét quyết định, không chấp nhận yêu cầu của bà T buộc ông H phải liên đới thanh toán tiền nợ hui.

[2.3] Về thay đổi nội dung khởi kiện: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bà T thay đổi nội dung khởi kiện, theo đó rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 59.107.000 đồng, phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện.

[2.4] Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2024/QĐ-BPKCTT ngày 31/10/2024 phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 111; khoản 1 Điều 112; khoản 8 Điều 114 và Điều 126 Bộ luật Tố tụng dân sự, đối với các tài sản cụ thể: Thửa đất số: 52; Tờ bản đồ số 63; địa chỉ: phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; diện tích: 78,5m²; hình thức sử dụng: sử dụng riêng; mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị; thời hạn sử dụng: lâu dài; nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và N1 ở: loại nhà ở: nhà ở riêng lẻ; diện tích xây dựng: 74,3m²; diện tích sàn: 151,5m²; hình thức sở hữu: sở hữu riêng; Cấp (Hạng): Loại 2.3, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS13055 do Sở Tài nguyên và môi trường cấp ngày 12 tháng 12 năm 2019 cho ông Cao Việt H và bà Võ Thị Hồng P. Việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phù hợp với hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và không có căn cứ để thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2024/QĐ-BPKCTT ngày 31/10/2024. Do đó, Hội đồng xét xử đồng thuận tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo đảm thi hành án, không chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn về yêu cầu hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, ghi nhận ý kiến của Kiểm sát viên về việc tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Đối với tài sản bảo đảm là số tiền 68.000.000 đồng (sáu mươi tám triệu đồng) đồng bà Phan Ngọc Minh T tại Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 09/2024/QĐ-BPBD ngày 30/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, bà T đã thực hiện nộp vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng N3 – Chi nhánh tỉnh A theo Giấy thông báo về phong tỏa/đóng tài khoản thanh toán ngày 30/10/2024, mã khách hàng: 67005510514779, số tài khoản thanh toán số: 6700205712510; Hội đồng xét xử thống nhất hoàn trả lại cho bà T theo quy định pháp luật.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận một phần, nhưng phần không được chấp nhận là liên quan đến trách nhiệm liên đới, nên bà T không phải chịu án phí liên quan đến phần này, đồng thời do yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu bà P phải trả tiền được chấp nhận, nên bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng phí đã nộp. Bà P phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật, ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[2.4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 126, 144, 147, 217, 244, 271, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 16, 17, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2020 về hội, họ, điều, phường của Chính phủ.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Ngọc Minh T đối với bà Võ Thị Hồng P và ông Cao Việt H;

- Buộc bà Võ Thị Hồng P phải có nghĩa vụ trả bà Phan Ngọc Minh T số tiền 289.893.000 đồng (*hai trăm tám mươi chín triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Phan Ngọc Minh T về việc yêu cầu bà Võ Thị Hồng P và ông Cao Việt H phải liên đới thanh toán số tiền 289.893.000 đồng (*hai trăm tám mươi chín triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn đồng*).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 59.107.000 đồng (*năm mươi chín triệu, một trăm không bảy nghìn đồng*).

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm tạm số 10/2024/QĐ-BPKCTT ngày 31/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, đối với các tài sản cụ thể: thửa đất số: 52; tờ bản đồ số 63; địa chỉ: phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; diện tích: 78,5m²; hình thức sử dụng: sử dụng riêng; mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị; thời hạn sử dụng: lâu dài; nguồn gốc sử dụng: nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và N1 ở: Loại nhà ở: nhà ở riêng lẻ; diện tích xây dựng: 74,3m²; diện tích sàn: 151,5m²; hình thức sở hữu: sở hữu riêng; Cấp (Hạng): Loại 2.3, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS13055 do Sở Tài nguyên và môi trường cấp ngày 12 tháng 12 năm 2019 cho ông Cao Việt H và bà Võ Thị Hồng P.

- Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 09/2024/QĐ-BPBD ngày 30/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên về buộc thực hiện biện pháp bảo đảm. Bà Phan Ngọc Minh T, sinh năm 1992; địa chỉ: số A đường T, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang được nhận lại tài sản bảo đảm là tiền có giá trị: 68.000.000 đồng (*sáu mươi tám triệu đồng*), theo Giấy thông báo về phong tỏa/đóng tài khoản thanh toán ngày 30/10/2024, mã khánh hàng: 67005510514779, số tài khoản thanh toán số: 670020571251 tại Ngân hàng N3 – Chi nhánh tỉnh A.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Hoàn trả bà Phan Ngọc Minh T số tiền 8.725.000 đồng (*tám triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001705 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

- Bà Võ Thị Hồng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 14.494.650 đồng (*mười bốn triệu, bốn trăm chín mươi bốn nghìn, sáu trăm năm mươi đồng*), bà Võ Thị Hồng P có nghĩa vụ nộp án phí tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Ông Cao Việt H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND thành phố Long Xuyên;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ; VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Kiên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Nguyên Nguyễn Thanh Liêm

Nguyễn Trung Kiên